

Số: 325/2017/DS-ST

Ngày: 13-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2017/QĐST- DS ngày 16/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2017/QĐST- DS ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Tầng X, tòa nhà T, số C, phố T, Phường T, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Kim N

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N

Địa chỉ: số V, đường C, Phường Y, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 25/3/2014 Ông

Nguyễn Văn N ký Hợp đồng tín dụng số 20140324-500001-0027 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền 39.900.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 2.91%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 56.413.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 tháng, trong 23 tháng đầu ông N sẽ trả mỗi tháng là 2.335.000 đồng, tháng cuối cùng ông N trả 2.708.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 01/5/2014.

Thực hiện hợp đồng ông N đã nhận đủ số tiền 39.900.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 23.775.000 đồng gồm tiền gốc là 13.124.412 đồng và khoản lãi là 10.650.588 đồng. Tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 01/4/2016, ông N phải trả số tiền gốc và tiền lãi là 32.638.000 đồng, $(56.413.000 - 23.775.000 \text{ đồng} = 32.638.000 \text{ đồng})$.

Tại bản tự khai bị đơn Ông Nguyễn Văn N xác nhận có vay của ngân hàng theo hợp đồng tín dụng như ngân hàng trình bày, nhưng do ông N hiện nay gặp khó khăn về tiền bạc nên xin trả góp mỗi tháng là 1.000.000 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Đỗ Thị Kim N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Nguyễn Văn N phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày đáo hạn hợp đồng là: 32.638.000 đồng trong đó nợ gốc là 26.775.588 đồng, nợ lãi là 5.862.412 đồng. Yêu cầu ông N thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn N thừa nhận có vay của ngân hàng số tiền 39.900.000, ông đã nhận đủ số tiền này, và đã trả được cho ngân hàng số tiền 23.775.000 đồng, ông còn nợ lại số tiền 32.638.000 đồng. Nay do khó khăn ông xin được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Nguyễn Văn N thanh toán số tiền là 32.638.000 đồng (nợ gốc là 26.775.588 đồng, nợ lãi là 5.862.412 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Văn N trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn Ông Nguyễn Văn N cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20140324-500001-0027 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền 39.900.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 2.91%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 56.413.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 24 tháng, trong 23 tháng đầu ông N sẽ trả mỗi tháng là 2.335.000 đồng, tháng cuối cùng ông N trả 2.708.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 01/5/2014.

Xét, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên thì ông N vay tiền của ngân hàng trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận, trong quá trình vay ông N đã nhận đủ số tiền 39.900.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 23.775.000 đồng gồm tiền gốc là 13.124.412 đồng và khoản lãi là 10.650.588 đồng.

Tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 01/4/2016, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông N trả số tiền 32.638.000 đồng mà không yêu cầu ông N trả khoản lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 32.638.000 đồng

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Theo hợp đồng, thỏa thuận giữa ông N và nguyên đơn thì lãi vay là 2.91%/ tháng tương đương 34.92%/năm, là cao hơn so với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Và theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông N đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nghĩa là ông N mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi 2.91%/tháng được quy định trong hợp đồng và chịu các nghĩa vụ thanh toán khác.

[5] Về thời hạn thanh toán

Do Ông Nguyễn Văn N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Mục IV phần B của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng thẻ tín của ngân hàng, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần số tiền 32. 638.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 465, 466 và khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 32.638.000 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.631.900 đồng, Ông Nguyễn Văn N phải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 840.950 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001103 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân